UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN CHỈ ĐẠO PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀ CHỐNG MÙ CHỮ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số 02 /BC-BCĐ	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 9 năm 2013*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 6077
Ngày: 06/9/13
Chuyển:

BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm triển khai và kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh

(đến thời điểm tháng 6/2013)

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 - 2015; Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và Chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi báo cáo sơ kết 02 năm triển khai và kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi trên địa bàn tỉnh (đến thời điểm tháng 6/2013), cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đánh giá chung

Cùng với thành tựu chung về kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh đã được quan tâm chăm lo phát triển và đạt được những kết quả tốt. Hệ thống trường, lớp phát triển mạnh khắp các bản làng, thôn xóm đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tính đến thời điểm tháng 6 năm 2013, trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi có 209 trường mẫu giáo, mầm non; có 429 trường học ở cấp phổ thông, trong đó có 39 trường trung học phổ thông, có 165 trường trung học cơ sở, có 225 trường tiểu học. Ngoài ra có 14 trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp và dạy nghề, trung tâm dạy nghề - giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp thực hiện chức năng giáo dục thường xuyên cho mọi người.

Tính đến ngày 30/6/2013, số trường trên địa bàn tỉnh được công nhận 242 trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó Mầm non 28/209 trường, tiểu học 125/225 trường, Trung học cơ sở là 80/165 trường, Trung học phổ thông là 15/39 trường.

2. Một số thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

a) Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả giữa các sở, ban ngành liên quan với Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Chỉ đạo từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã được củng cố và kiện toàn nên sự chăm lo cho giáo dục mầm non của xã hội đã có sự chuyển biến tích cực.

Đã chuyển đổi 100% trường mầm non bán công sang công lập, giáo viên mầm non bán công đã được tuyển dụng vào biên chế. Điều này tạo thuận lợi lớn cho việc thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

Các địa phương trong tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ưu tiên bố trí đất xây dựng trường mầm non, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng GDMN. Cơ sở vật chất ngày càng được đầu tư, phát triển từng bước đáp ứng yêu cầu của GDMN.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu GDMN. Giáo viên dạy lớp mẫu giáo năm tuổi đạt trình độ đào tạo chuẩn 100%, tỷ lệ đạt trên chuẩn được nâng lên, nghiệp vụ sư phạm vững vàng.

b) Khó khăn

Việc xây dựng phòng học, khối phòng chức năng và trường đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định 306/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh chưa kịp thời, do vậy không giải quyết được tình trạng thiếu phòng học. Hiện tượng các cháu phải học nhờ và học ở phòng tạm vẫn còn tồn tại ảnh hưởng nhất định đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Còn nhiều điểm trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây khó khăn trong đầu tư, xây dựng; cá biệt, một số trường miền núi không có quỹ đất để xây dựng.

Còn thiếu giáo viên dạy lớp mẫu giáo năm tuổi. Đa số nhân viên cấp dưỡng được hợp đồng ngắn hạn, cuộc sống không ổn định, khó an tâm công tác, ảnh hưởng đến công tác nuôi trẻ trong trường mầm non bán trú.

Việc triển khai thực hiện Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non chưa đầy đủ *(theo quy định: giáo viên mầm non làm việc 6 giờ/ngày, nhưng hiện nay tỉnh giao chỉ tiêu biên chế theo Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 27/11/2007 về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên làm việc 8 giờ/ngày nên các đơn vị không đủ giáo viên và không thể sắp xếp cho giáo viên làm việc 6 giờ/ngày).*

Đời sống nhân dân còn khó khăn, công tác xã hội hóa giáo dục ở một số đơn vị còn hạn chế. Nhận thức ở một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa đầy đủ, chưa thấy rõ thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của mỗi công dân.

3. Về ngành giáo dục mầm non

a) Quy mô trường, lớp

Toàn tỉnh có 209 trường mầm non, mẫu giáo (tăng 03 trường so với năm học 2011 - 2012); trong đó 191 trường công lập, 18 trường tư thục với 1.910 nhóm/lớp trong các cơ sở GDMN, trong đó có 253 nhóm trẻ, 1657 lớp mẫu giáo. Trẻ mầm non đến trường ở các độ tuổi đều tăng. Cháu nhà trẻ 4.768, đạt

tỷ lệ 12% tổng số cháu trong độ tuổi (tăng 115 cháu); cháu mẫu giáo: 44.298 đạt tỷ lệ 72,7 % (tăng 1.697 cháu).

b) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Toàn tỉnh hiện có 3.656 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (biên chế 2.457, tỷ lệ 67,2%). Trong đó giáo viên đứng lớp: 2410 cô, biên chế 1.923 giáo viên (79,8%); trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên 2376 cô (98,6 %); trên chuẩn: 947 cô (40,4%). Số giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo 34 cô (1,4%), đây là số giáo viên dạy nhóm trẻ tư thục độc lập.

c) Cơ sở vật chất

Hiện nay toàn tỉnh có 1.581 phòng học dành cho GDMN, trong đó kiên cố 652 phòng (tỷ lệ 41,23%), bán kiên cố 720 phòng (tỷ lệ 45,54%), phòng học tạm 209 phòng (tỷ lệ 13,22%). Tổng số trường có công trình vệ sinh: 175/209 trường (tỷ lệ 83,7%) với 937 nhà vệ sinh, trong đó có 860 công trình vệ sinh đạt yêu cầu.

d) Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia: 28 trường, đạt tỷ lệ 13,4%.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Văn bản chỉ đạo, điều hành và kế hoạch thực hiện

a) Của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi XVIII đã đề ra chỉ tiêu hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi vào năm 2015;

Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 16/4/2010 của HĐND tỉnh về việc chuyển đổi các trường mầm non bán công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sang loại hình công lập;

Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2013 đã phân bổ 106 tỷ đồng để xây dựng 276 phòng học mầm non *(dành cho lớp mẫu giáo năm tuổi)*;

Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sang loại hình trường công lập;

Quyết định số 305/QĐ-UBND Ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định 306/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 - 2015;

Các Quyết định: Số 141/QĐ-UBND ngày 03/02/2012, số 1089/QĐ-UBND ngày 19/7/2012, số 2227/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền ăn trưa cho

trẻ em năm tuổi năm 2011 và năm 2012 theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 9/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Phổ cập giáo dục giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ cấp tỉnh ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 28/3/2013 về việc thành lập tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi.

b) Của Sở Giáo dục và Đào tạo

Công văn số 1054/SGDĐT-MN ngày 5/8/2010 về việc hướng dẫn thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;

Công văn số 455/SGDĐT-MN ngày 29/3/2011 về tổ chức Hội nghị hướng dẫn mua sắm tự làm, sử dụng đồ dùng dạy học đồ chơi và tập huấn công tác điều tra phổ cập cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non;

Công văn số 3089/SGDĐT-MN ngày 28/12/2012 về việc chuẩn bị các điều kiện để nghiệm thu, tiếp nhận thiết bị mầm non;

Công văn số 27/GDĐT-KHTC ngày 07/01/2013 về việc thành lập đoàn giám sát việc cung ứng thiết bị mầm non năm 2013;

Hướng dẫn số 252/SGDĐT-GDMN ngày 08/3/2013 hướng dẫn thực hiện công tác Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;

Hướng dẫn số 233/SGDĐT-GDMN ngày 08/3/2013 hướng dẫn quy trình, mẫu văn bản đề nghị kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em năm tuổi;

Quyết định số 324/QĐ- SGDĐT ngày 12/3/2013 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh phí chương trình mục tiêu Quốc gia giáo dục và đào tạo năm 2013;

Công văn số 330/SGDĐT-GDMN ngày 01/4/2013 về việc hướng dẫn thực hiện kinh phí hỗ trợ phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi;

Công văn số 571/ SGDĐT-GDMN ngày 20/5/2013 về việc báo cáo kết quả triển khai công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi năm học 2012 - 2013.

c) Xây dựng kế hoạch thực hiện

Triển khai thực hiện Quyết định 306/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Kế hoạch số 1033/KH-SGDĐT-MN ngày 21/6/2012 để tổ chức triển triển khai, thực hiện; UBND 14/14 huyện, thành phố và 184/184 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đều xây dựng và ban hành Đề án, Kế hoạch triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi giai đoạn 2012 - 2015 và Kế hoạch thực hiện hàng năm. Theo báo cáo, đến tháng 6/2013, toàn tỉnh có 106

xã, phường, thị trấn được UBND các huyện, thành phố kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi .

2. Thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo

a) Kiện toàn, phân công và hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp

Ban Chỉ đạo PCGD các cấp được thành lập với nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn. Ban Chỉ đạo kiện toàn khi có sự thay đổi nhân sự và có sự thay đổi, bổ sung nhiệm vụ.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi được kiện toàn tại các Quyết định: Số 563/QĐ-UBND ngày 20/4/2011, số 1559/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 và số 2089/QĐ-UBND ngày 10/12/2012. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng trong các lĩnh vực phụ trách để thực hiện phổ cập, trong đó có phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi.

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh cấp tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị bổ sung, kiện toàn thành phần Ban Chỉ đạo cấp xã, phường, huyện, thành phố, tích cực hoạt động triển khai, thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi tại đơn vị.

b) Công tác tập huấn nghiệp vụ điều tra, thống kê, tổng hợp

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi là một nội dung mới, vì vậy công tác tập huấn nghiệp vụ được Ban Chỉ đạo PCGD các cấp đặc biệt quan tâm và tập trung thực hiện.

Trên cơ sở hướng dẫn về tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi, ngày 20/8/2010, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, với tổng số đại biểu tham dự 98 người (chia làm 2 lớp) nhằm hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã; nghiệp vụ công tác phổ cập.

Tổ chức Hội nghị triển khai công tác mua sắm đồ dùng, thiết bị tối thiểu và hướng dẫn các biểu mẫu phổ cập vào ngày 08/4/2011, với tổng số đại biểu tham dự là 56 người.

Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác nghiệp vụ phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi vào ngày 19/9/2011, với tổng số đại biểu tham dự là 42 người. Thành phần gồm có các đồng chí chuyên viên phụ trách GDMN và chuyên viên phụ trách phổ cập phòng Giáo dục và Đào tạo và hiệu trưởng (mỗi đơn vị 03 đại biểu).

Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác nghiệp vụ phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào ngày 14/8/2012, với tổng số đại biểu tham dự 56 người. Gồm chuyên viên phụ trách GDMN và chuyên viên phụ trách Phổ cập Phòng Giáo dục và Đào tạo và hiệu trưởng (mỗi đơn vị miền núi, hải đảo 03 đại biểu, mỗi đơn vị đồng bằng 05 đại biểu).

Từ tháng 8/2010 đến tháng 6/2013, Ban Chỉ đạo PCGD huyện, thành phố đã tổ chức tập huấn tất cả những nội dung về công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi cho các đối tượng có liên quan tại địa phương.

3. Các giải pháp đã thực hiện

a) Về giải pháp chỉ đạo thực hiện chương trình GDMN mới

Từ năm học 2009 - 2010, đã triển khai thực hiện chương trình GDMN mới thí điểm cho 40 trường của 6 huyện đồng bằng và thành phố Quảng Ngãi; Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực trong việc triển khai thực hiện thí điểm, rút kinh nghiệm để nhân rộng mô hình và triển khai đại trà. Đến năm học 2012 - 2013, 100% các trường trên địa bàn tỉnh đã thực hiện.

Công tác tập huấn bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện chương trình GDMN mới là một nội dung quan trọng và được Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo xuyên suốt quá trình thực hiện.

Từ năm 2010 đến cuối năm học 2012 - 2013, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức 12 lớp tập huấn cho 600 người và phối hợp với tổ chức Plan mở 6 lớp cho 242 người, thành phần gồm cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán toàn tỉnh; phối hợp với tổ chức Plan, Tầm nhìn Thế giới mở 13 lớp cho cán bộ quản lý, giáo viên các huyện trong dự án (Sơn Tây, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ), tổng số người tham dự 520.

Tại các huyện, các phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn lại cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên tất cả những nội dung Sở triển khai.

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tích cực, chủ động trong công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chương trình mới: Kiểm tra kế hoạch chỉ đạo của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra thực tế tại các trường mầm non về hồ sơ kế hoạch của cán bộ quản lý và giáo viên khi tổ chức thực hiện; kiểm tra các điều kiện và việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình GDMN mới tại các trường.

Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố đã tập trung chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chương trình GDMN mới ở tất cả các trường mầm non trên địa bàn: kiểm tra tài liệu thực hiện chương trình GDMN mới; hướng dẫn thực hiện chương trình của từng độ tuổi, tài liệu tham khảo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, các chủ đề, mạng nội dung, mạng hoạt động, kiểm tra hồ sơ của nhà trường và hồ sơ giáo viên; dự các hoạt động của giáo viên trên lớp để kịp thời bổ sung, điều chỉnh và giúp đỡ giáo viên khi thực hiện chương trình GDMN mới.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố đã tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm giữa các trường mầm non trên địa bàn, một số đơn vị tổ chức tham quan học tập tại các trường mầm non ở các tỉnh bạn về việc triển khai thực hiện chương trình mầm non mới trên cơ sở chia sẻ các kinh nghiệm khắc phục khó khăn trong việc thực hiện chương trình; nắm bắt những ưu điểm, tồn tại của các đơn vị để làm cơ sở cho việc bồi dưỡng trong năm học tiếp theo. Đến

nay, 100% trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới và đạt kết quả tốt.

b) Về giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện PCGDMN cho trẻ năm tuổi

Đã tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục và chuẩn bị các điều kiện để trẻ đi học lớp 1.

Thực hiện lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau như: thông qua báo, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, các hội nghị, hội thảo để phổ biến các nội dung của đề án/kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, tạo điều kiện cho các tổ chức, các bậc cha mẹ và toàn xã hội tham gia thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã phối hợp, xây dựng hơn 20 tin, bài và phóng sự tuyên truyền về phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; hơn 30 bài trên Báo Quảng Ngãi, trên Báo Giáo dục và Thời đại...;

Ban Chỉ đạo PCGD cấp huyện và cấp xã đã có hàng trăm tin bài tuyên truyền về vị trí, vai trò của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi trên các đài truyền thanh huyện và hệ thống loa phát thanh về trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và cả cộng đồng đối với phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi; đặc biệt là phản ánh tình hình và kết quả triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền vận động được sự hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành từ tỉnh đến các xã, phường, thị trấn, đặc biệt là sự đồng thuận của nhân dân. Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội diễn ra thuận lợi và thu được nhiều kết quả tốt đẹp.

c) Về giải pháp tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, đặc biệt quan tâm đến GVMN dạy lớp năm tuổi

Đã phát động phong trào tự học, tự bồi dưỡng nhằm thực hiện cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo".

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Đại học sư phạm Huế mở các khóa đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên mầm non. Trong 3 năm (từ 2010 đến nay), toàn tỉnh có 935 cô được đào tạo nâng chuẩn, trong đó đã tốt nghiệp 372 cô nâng tỷ lệ giáo viên trên chuẩn lên 40,4%, tăng 12,26% so với năm 2010; số giáo viên dạy mẫu giáo năm tuổi được đào tạo nâng chuẩn là 560 cô, trong đó đã tốt nghiệp 135 cô, nâng tỷ lệ trên chuẩn lên 40,1%, tăng 15,2% so với năm 2010.

Năm 2013, UBND tỉnh phân bổ 443 triệu đồng để thực hiện Đề án trong mục đào tạo bồi dưỡng giáo viên. Sở Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành các thủ tục mở lớp đào tạo nâng chuẩn cho 90 giáo viên dạy mẫu giáo năm tuổi.

Tổ chức chuyên đề về kỹ năng xây dựng kế hoạch, quản lý các hoạt động trong trường mầm non; ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm trong quản lý, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức phòng chống bệnh chân, tay, miệng trong trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm....

Từ năm 2010 tổ chức 6 hội thi cấp tỉnh, trong đó có 4 hội thi dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, cô nuôi như: Hội thi "giáo viên dạy giỏi" có 73 cô đạt giải, Hội thi "tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học" có 72 cô đạt giải, Hội thi "Tìm hiểu tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" có 46 cán bộ quản lý, giáo viên và 50 tiết mục văn nghệ đạt giải, Hội thi "Cô nuôi trẻ giỏi" có 38 cô nuôi đạt giải, 2 Hội thi dành riêng cho trẻ em năm tuổi : Hội thi "An toàn giao thông" có 15 cháu, 15 cô giáo và 15 phụ huynh đạt giải; Hội thi "Bé khéo tay, bé nhanh trí" có 120 cháu đạt giải. Qua các hội thi, cán bộ quản lý, giáo viên được trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau góp phần nâng cao tư tưởng, nhận thức, năng lực quản lý, kiến thức chuyên môn, phát triển đội ngũ.

d) Về giải pháp thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non và những người tham gia làm công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi

Việc chuyển đổi các trường mầm non bán công sang công lập theo lộ trình: Năm 2011 chuyển đổi các trường ở khu vực nông thôn, miền núi; năm 2012 chuyển đổi các trường ở khu vực thị trấn và thành phố, cùng với chuyển đổi trường bán công sang công lập tất cả giáo viên được vào biên chế, hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước, đời sống ổn định, yên tâm công tác. Giáo viên ngoài công lập được hưởng chế độ theo thang bảng lương, một số trường tư thục giải quyết phụ cấp đứng lớp cho giáo viên.

đ) Về giải pháp tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi

Công tác kiểm tra được Ban Chỉ đạo các cấp đặc biệt quan tâm, coi đây là một trong các giải pháp quan trọng góp phần triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức đoàn kiểm tra nắm tình hình, đánh giá thực trạng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi tại 4 huyện: Tư Nghĩa, Sơn Hà, Lý Sơn, thành phố Quảng Ngãi. Qua kiểm tra, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phát huy mặt mạnh cũng như hướng dẫn các đơn vị khắc phục những thiếu sót, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi tại đơn vị, đảm bảo đúng lộ trình của Đề án.

Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo PCGD tỉnh) đã chủ động lồng ghép nội dung kiểm tra phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi thông qua các kỳ thanh tra, kiểm tra chuyên môn các đơn vị.

Ban Chỉ đạo PCGD các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi ở tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn; Ban chỉ đạo PCGD cấp xã tự kiểm tra hồ sơ, các điều

kiện, tiêu chuẩn đạt được so với Thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện tổ chức kiểm tra lồng ghép kiểm tra công tác PCGDMN cho trẻ năm tuổi thông qua kiểm tra, thanh tra chuyên môn tại các trường mầm non.

Đến thời điểm tháng 6/2013, UBND các huyện, thành phố đã kiểm tra công nhận 106/184 xã, phường hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, đạt 57,6%.

e) Về giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị

Trên cơ sở các quy hoạch, đề án, kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực tham mưu, đề xuất việc huy động mọi nguồn lực để xây dựng CSVC, thiết bị cho GDMN, đặc biệt ưu tiên cho mẫu giáo năm tuổi để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

Theo báo cáo của các đơn vị từ năm 2010 đến tháng 6/2013 toàn tỉnh đã đầu tư 240.296triệu đồng để đầu tư xây dựng cho GDMN, kết quả: đã xây dựng 359 phòng học (kinh phí 196,710 triệu đồng), trong đó từ năm 2012 đến tháng 6/2013 xây dựng 209 phòng (kinh phí 149,060 triệu đồng); xây dựng 104 phòng chức năng (kinh phí 43.586 triệu đồng); cải tạo xây mới 322 công trình vệ sinh... Trong đó số phòng học đã xây dựng dành cho mẫu giáo năm tuổi là 137 phòng.

Mua sắm 1.081 bộ đồ dùng tối thiểu, 162 bộ tin học, 99 bộ đồ chơi ngoài trời, 550 bộ nội thất dùng chung với tổng kinh phí 32.033 triệu đồng (mua sắm tại tỉnh 28.173,345 triệu đồng; mua sắm tại địa phương 3.860 triệu đồng với nguồn kinh phí tỉnh phân bổ 1.897 triệu đồng, kinh phí của địa phương 1.963 triệu đồng) đầu tư trang bị cho các trường thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi .

g) Về giải pháp đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư cho GDMN và thực hiện PCGDMN cho trẻ năm tuổi

Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển GDMN được đặc biệt quan tâm thực hiện, đặc biệt từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010.

Từ 2011 đến nay, toàn tỉnh đã huy động 723.691,334 triệu đồng đầu tư phát triển giáo dục mầm non nói chung, trong đó có phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi. Kinh phí được huy động từ các nguồn:

- Chương trình Mục tiêu quốc gia, dự án: 31.092,572 triệu đồng;

- Ngân sách nhà nước (chi thường xuyên): 511.502,632 triệu đồng;

- Ngân sách đầu tư: 137.457,530 triệu đồng;

- Từ nguồn xã hội hóa: 43.638,6 triệu đồng (Do các tổ chức phi Chính phủ: Tầm nhìn Thế giới, Plan; Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm hỗ trợ...).

- Trong 6 tháng đầu năm 2013, tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn GDMN chiến 21,7% trong ngân sách thường xuyên của ngành học. Chi thực hiện

chính sách cho trẻ em năm tuổi: 24.396,604 triệu đồng, trong đó hỗ trợ chi phí học tập là 7.267,705 triệu, hỗ trợ ăn trưa 16.921,699 triệu đồng, hỗ trợ theo chính sách khác của Trung ương, địa phương 207,200 triệu đồng

4. Kết quả thực hiện

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT ngày 02/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến thời điểm tháng 6/2013 tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được:

a) Tiêu chuẩn 1: Cơ sở vật chất

Về phòng học: Tổng số phòng học: 1.085/1.085 lớp, trong đó: phòng học do các trường mầm non quản lý là 962 gồm:

- Số phòng kiên cố: 311/1.085 phòng, đạt 28,66%;

- Số phòng bán kiên cố: 511/1.085 phòng, đạt 47,1%; có 39 phòng chưa đạt tại thành phố Quảng Ngãi (yêu cầu của thành phố phải là phòng kiên cố);

- Số phòng đạt yêu cầu: 9/1.085 phòng, tỷ lệ 0,83%;

- Số phòng tạm: 131/1085 phòng, tỷ lệ 12,1%;

- Số phòng nhờ (của nhà văn hoá thôn và của trường tiểu học): 123/1.085 phòng, tỷ lệ 11,33%.

(Tổng số phòng học cần phải xây dựng phục vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi là 293 phòng, UBND các huyện, thành phố đang xây dựng 17 phòng, HĐND tỉnh đã bố trí kinh phí 106 tỷ đồng để xây dựng 276 phòng trong 6 tháng cuối năm 2013).

- Có 94/184 xã/phường/thị trấn trường mầm non có đủ phòng học theo hướng kiên cố hoặc đạt chuẩn theo quy định, đạt 51,1%.

Có 13 huyện, thành phố chưa đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất; Lý Sơn là huyện duy nhất của tỉnh đạt tiêu chuẩn này (Toàn tỉnh chưa đạt).

Về thiết bị: Tổng số bộ thiết bị tối thiểu là 1.081 bộ/1.085 lớp năm tuổi, đạt tỷ lệ 99,63 %; có 162/1.085 lớp có điều kiện được trang bị bộ tin học, đạt tỷ lệ 14,93%; có 181/184 xã, phường, thị trấn có trường mầm non đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp mầm non năm tuổi, đạt 98,37%. Huyện Nghĩa Hành là đơn vị duy nhất chưa đủ bộ thiết bị (4 lớp mẫu giáo năm tuổi tư thục tự phát tại 3 xã, thị trấn nên không cấp).

Đánh giá: Toàn tỉnh chưa đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Giáo viên

- Tổng số giáo viên dạy mẫu giáo năm tuổi : 1.257/1.085, tỷ lệ 1,16 giáo viên/lớp; còn thiếu 53 giáo viên.

- Có 152/184 xã/phường/thị trấn đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo năm tuổi đạt 83%.

- Có 184/184 xã/phường/thị trấn có giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ tỷ lệ 100%.

- Có 1.257 giáo viên giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương, tỷ lệ 100%.

Có 10/14 huyện đạt tiêu chuẩn này tỷ lệ 71,43%, còn 04 huyện chưa đạt do thiếu giáo viên tại Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tây Trà, Nghĩa Hành.

Đánh giá: Toàn tỉnh chưa đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Tỷ lệ huy động, chất lượng chăm sóc, giáo dục

Tổng số trẻ em năm tuổi : 20.199 cháu; số trẻ em năm tuổi phải phổ cập: 20.027 cháu; số trẻ em năm tuổi đến trường, lớp: 19.995 (trong đó có 66 trẻ khuyết tật học hòa nhập), đạt tỷ lệ: 99,50 %.

- Số trẻ được học 2 buổi/ngày 18.714/19.995 cháu, đạt tỷ lệ: 93,6%.

- Tỷ lệ trẻ năm tuổi học chuyên cần: đạt 97,33%.

- Tỷ lệ trẻ em năm tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 7,41%,

- Tỷ lệ trẻ em năm tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: 7,75%;

- Số trẻ hoàn thành chương trình: 19.892 cháu, đạt tỷ lệ 98,7%.

- Có 3.872/3.872 trẻ dân tộc thiểu số đến lớp được học tăng cường tiếng Việt, đạt tỷ lệ 100%, toàn bộ các huyện có trẻ em dân tộc thiểu số ra lớp đều đạt.

- Từ năm 2011 đến tháng 6 năm 2013 có 25.311 trẻ em năm tuổi khó khăn được hỗ trợ tiền ăn trưa.

- Có 184/184 xã, phường, thị trấn đạt tỷ lệ huy động trẻ năm tuổi ra lớp, đạt 100% (Chỉ tiêu này toàn tỉnh đạt).

- Có 165/184 xã, phường, thị trấn đạt tỷ lệ trẻ năm tuổi được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN đạt 89,67%; có 8 huyện đạt, 6 huyện có xã chưa đạt (Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn, Minh Long, Sơn Tây, Tây Trà).

- Có 184/184 xã, phường, thị trấn đạt tỷ lệ trẻ năm tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%.

- Có 184/184 xã, phường, thị trấn đạt tỷ lệ trẻ năm tuổi đi học chuyên cần đạt 100%.

- Có 149/184 xã, phường, thị trấn đạt quy định về tỷ lệ trẻ năm tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, đạt 81%; có 8/14 huyện, thành phố đạt, 6 huyện chưa đạt (Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tơ).

- Có 159/184 xã, phường, thị trấn đạt quy định về tỷ lệ trẻ năm tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 86,41%; có 9 huyện, thành phố đạt, 5 huyện chưa đạt (Nghĩa Hành, Minh Long, Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tơ).

Đánh giá: Toàn tỉnh chưa đạt.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các đoàn thể từ tỉnh tới cơ sở đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và phối kết hợp trong công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi . Ban chỉ đạo PCGD các cấp đã có nhiều giải pháp tích cực trong việc triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi .

- Ngành Giáo dục và Đào tạo các cấp đã làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền các cấp trong việc triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi như tham mưu đầu tư CSVC, thiết bị; lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trách nhiệm và năng lực trực tiếp thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi; chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới; đặc biệt đã tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng, ban hành hệ thống văn bản tập trung sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi.

- Mạng lưới trường lớp mở rộng đáp ứng được yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi. Mặc dù cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn nhưng các đơn vị đã cố gắng bố trí phòng học, làm nhà tạm và mượn phòng của trường tiểu học để trẻ em năm tuổi ra lớp và được học đủ một năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp tăng hàng năm, nhất là trẻ năm tuổi ra lớp đạt tỷ lệ cao; 100% xã, phường, thị trấn đạt tỷ lệ huy động trẻ năm tuổi ra lớp, đạt tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần và hoàn thành chương trình; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi ở các huyện đồng bằng đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trẻ em năm tuổi người dân tộc thiểu số được quan tâm đúng mức, 100% cháu được học tăng cường tiếng Việt.

- Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các nguồn lực cho phát triển giáo dục mầm non, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi ngày càng được quan tâm và đạt hiệu quả. Một số đơn vị thực hiện tốt công tác này như các huyện: Sơn Hà, Đức Phổ, Mộ Đức, Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi.

- Việc mua sắm, cung cấp bộ thiết bị tối thiểu cho các lớp mẫu giáo năm tuổi kịp thời, phục vụ tốt cho công tác phổ cập *(99,63% số lớp mẫu giáo năm tuổi có thiết bị tối thiểu)*.

- Tính đến thời điểm tháng 6/2013, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 106/184 xã, phường, thị trấn được UBND các huyện, thành phố công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ năm tuổi theo quy định tại Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 02/12/2010.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Vẫn còn 276 phòng học nhờ, phòng chưa đạt yêu cầu ảnh hưởng kết quả phổ cập.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn cao ở các xã, huyện miền núi. Nguyên nhân tình hình kinh tế, đời sống nhân dân của các đơn vị này còn nhiều khó khăn, do điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu thốn nên các trường mầm non miền núi chưa mở bán trú, hoặc đã mở nhưng số cháu được ăn bán trú rất ít.

- Việc cấp kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi còn chậm trễ. Theo báo cáo, đến tháng 6 năm 2013 còn 9 đơn vị chưa chi đủ tiền ăn trưa cho trẻ, trong đó có 2 đơn vị đã được cấp kinh phí nhưng chưa chi (Trà Bồng, Tư Nghĩa), 7 đơn vị thiếu kinh phí để chi.

- Giáo viên dạy mẫu giáo năm tuổi còn thiếu ở 32 xã, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các đơn vị này.

- Công tác xã hội hóa về huy động nguồn lực về kinh phí cho GDMN ở một số huyện còn hạn chế.

- Hoạt động của một số ban chỉ đạo các cấp chưa đều, công tác tham mưu của một số phòng Giáo dục và Đào tạo còn lúng túng, nghiệp vụ thống kê, tính toán, tập hợp hồ sơ, công tác tự kiểm tra còn hạn chế. Nguyên nhân: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi là một nội dung mới triển khai, cán bộ chuyên môn mầm non phòng Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý và giáo viên ở các trường mầm non chưa có kinh nghiệm và đều kiêm nhiệm, không có nhiều thời gian, cá biệt còn một số công chức, viên chức làm việc với tinh thần trách nhiệm chưa cao.

Cán bộ quản lý, giáo viên tham gia thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi được chi trả chế độ theo công văn số 26/2006/QĐ-UBND ngày 15/5/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi kinh phí rất ít, chưa thỏa đáng.

- Đến thời điểm hiện tại tỉnh Quảng Ngãi chưa có huyện nào đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

- Còn 4 lớp mẫu giáo năm tuổi tư thục tự phát chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn chỉ đạo công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi của tỉnh, Ban Chỉ đạo PCGD tỉnh Quảng Ngãi rút ra những kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi như sau:

- Để công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi đạt kết quả tốt phải được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp; phải cụ thể hoá các văn bản chỉ đạo của các cấp bộ, ngành Trung ương vào thực tế địa phương; phải có sự phối hợp đồng bộ giữa ngành giáo dục với các sở, ngành liên quan trong công tác chỉ đạo làm cơ sở triển khai thực hiện.

Công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi phải được đưa vào Nghị quyết, chương trình hành động của HĐND, UBND các cấp. UBND các cấp phải xây dựng được đề án, kế hoạch chi tiết thực hiện công tác phổ cập GDMN năm tuổi.

- Cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tạo nên sự chuyển biến về nhận thức đúng trong cán bộ và nhân dân về việc thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi. Công tác phổ cập phải được xã hội hóa cao.

- Phải tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của các trường mầm non; xây dựng bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên mầm non.

- Cần tập trung huy động mọi nguồn lực, tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học, đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2010/TT-BGDĐT và tiêu chí của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và trẻ nhất là các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc.

- Tăng cường công tác kiểm tra của Ban chỉ đạo PCGD các cấp. Tổ chức các đợt kiểm tra chéo giữa các xã trong phạm vi huyện, giữa các huyện trong phạm vi tỉnh vừa bảo đảm tính khách quan của các kết quả đạt được vừa là dịp để các đơn vị trao đổi kinh nghiệm với nhau.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI NĂM 2014

1. Mục tiêu

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên nhằm huy động tối đa trẻ em năm tuổi trên địa bàn đến trường chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1. Hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi vào năm 2015.

2. Chỉ tiêu

- 153/184 xã, phường, thị trấn và 7/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi vào năm 2014.

- Đảm bảo đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo năm tuổi theo quy định, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên là 55%.

- Đảm bảo đủ phòng học và các quy định khác cho các lớp mẫu giáo năm tuổi.

- Huy động trẻ năm tuổi ra lớp đạt từ 99% trở lên.

- Trẻ năm tuổi được học 2 buổi/ ngày trong một năm học (9 tháng) theo chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đạt 95%.

- Tỷ lệ trẻ năm tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt từ 98% trở lên.

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ năm tuổi đạt từ 97% trở lên.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi dưới 10%.

3. Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục tham mưu, tuyên truyền nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh về vị trí vai trò của Giáo dục mầm non để góp phần phát triển giáo dục mầm non nói chung và công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi nói riêng.

- Tiếp tục sắp xếp, bố trí các điểm trường, lớp để thực sự thuận tiện trong việc đi lại của trẻ, vừa sử dụng có hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất.

- Huy động và giữ vững tỷ lệ trẻ em năm tuổi đến lớp.

- Bố trí đủ giáo viên theo định biên, đào tạo, bồi dưỡng 100% giáo viên mầm non để thực hiện tốt chương trình; đào tạo để có 55% giáo viên trên chuẩn theo kế hoạch bồi dưỡng giáo viên giai đoạn 2013 - 2015.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố kỷ cương, nền nếp trong các trường mầm non, tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non mới.

- Chỉ đạo các đơn vị đầu tư, tạo điều kiện cho các trường mầm non mở bán trú tạo điều kiện cho các cháu được ăn, ở tại trường đảm bảo sức khỏe, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng.

- Củng cố và nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giáo viên làm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi. Xây dựng chuẩn bộ hồ sơ quản lý phổ cập GDMN và lưu hàng năm ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

- Kịp thời thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định phục vụ cho phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi.

- Không duy trì các lớp mẫu giáo năm tuổi nếu không đủ điều kiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các thành viên BCĐ Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, VHXH.nk619

TM. BCĐ PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀ CHỐNG MÙ CHỮ
TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Quang Thích

Biểu số 1

PHỤ LỤC

TỔNG KÊ TRẺ EM 0-5 TUỔI

(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-BCĐ ngày 06/9/2013 của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi)

Năm sinh			ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011	2012	Tổng cộng
Độ tuổi				5	4	3	2	1	0	0-5 tuổi
(a)		(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)	(g)	(h)	(i)	(k)
1. Tổng số trẻ em trong độ tuổi		3	Trẻ	20.199	20.269	20.531	15.558	15.671	8.121	100.349
Trong đó	Trẻ em gái	4	Trẻ	9.469	9.467	9.533	7.098	7.271	3.763	46.601
	Trẻ dân tộc thiểu số	5	Trẻ	3.972	4.012	4.197	3.792	3.401	1.919	21.293
	Trẻ khuyết tật	6	Trẻ	177	116	65	21	10	3	392
2. Số trẻ phải huy động (phải PC đối với trẻ 5		7	Trẻ	20.027	20.116	20.469	15.448	15.662	8.118	99.840
3. Trẻ đến trường, lớp		8	Trẻ	19.995	15.867	8.492	3.859	822	87	49.122
Trong đó: Trẻ ở xã học tại địa bàn xã		8,1	Trẻ	16.994	14.163	6.814	2.681	669	76	41.397
Trẻ ở xã đang học trái tuyến tại địa bàn khác		8,2	Trẻ	2.988	1.704	1.678	774	153	11	7.308
Tỷ lệ huy động		9	%	99,51	78,68	41,38	24,95	5,25	1,07	49,07
Trong số trẻ đến trường, lớp	Trẻ em gái	10	Trẻ	9.240	7.380	3.902	1.512	286		22.320
	Trẻ dân tộc thiểu số	11	Trẻ	3.872	3.568	2.587	145	47		10.219
	Trẻ dân tộc được chuẩn bị tiếng Việt	12	Trẻ	3.872	3.508	2.517	112	26		10.035
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	13	Trẻ	66	39	22	4	0		131
Trẻ từ nơi khác đến học (trái tuyến)		14	Trẻ	1.212	891	612	209	37		2.961
4. Số trẻ học 2 buổi/ngày theo CT GDMN mới		15	Trẻ	18.714	11.899	6.725	2.754	696		40.788
Tỷ lệ		16	%	93,59	74,99	79,2	71,37	84,67		83,03
Trong số trẻ học 2 buổi/ ngày	Trẻ em gái	17	Trẻ	8.562	5.526	3.100	1.237	306		18.731
	Trẻ dân tộc thiểu số	18	Trẻ	3.223	2.902	2.123	167	68		8.483
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	19	Trẻ	56	27	14	2	0		99
5. Số trẻ đi học từ nhà trẻ		20	Trẻ	2.668	2.207	2.324	1.082	128		8.409
Tỷ lệ		21		13,34	13,91	27,37	28,04	15,57		
6. Số trẻ đi học từ lớp MG bé 3-4 tuổi		22	Trẻ	4.629	5.216	2.888	0	0	0	12.733
Tỷ lệ		23		23,15	32,87	34,01				25,92
7. Số trẻ đi học từ lớp MG nhỡ 4-5tuổi		24	Trẻ	10.084	6.571	-	-	-	-	16.655
Tỷ lệ		25		50,43	41,41					33,91
8. Số trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần		26	Trẻ	19.460	0					
Tỷ lệ		27	%	97,32	0,00					
9. Số trẻ được ăn tại trường		28	Trẻ	6.135	4.814	3.868	2.542	396	0	17.755
Tỷ lệ		29	%	30,68	30,34	45,55	65,87	48,18	0,00	36,14
10a.Số trẻ 5T được theo dõi BĐ PT cân nặng		30	Trẻ	19.892	-	-	-	-	-	
Số trẻ em 5 T bị SDD thể nhẹ cân		31	Trẻ	1.474	-	-	-	-	-	
Tỷ lệ trẻ 5T bị SDD thể nhẹ cân		32	%	7,4						
10 b.Số trẻ 5T được theo dõi BĐ PT chiều cao		33	Trẻ	19.892	-	-	-	-	-	
Số trẻ 5T bị SDD thể thấp còi (chiều cao theo tu		34	Trẻ	1.541	-	-	-	-	-	
Tỷ lệ trẻ 5T bị SDD thể thấp còi		35	%	7,7						

11.Số trẻ hoàn thành CT GDMN (MG 5-6 tuổi)		36	Trẻ	19892	-	-	-	-	-	
12.Số trẻ bị chết trong năm học		37	Trẻ	2	0					
13.Số trẻ chuyển đi trong năm học		38	Trẻ	99	16					
14.Số trẻ chuyển đến trong năm học		39	Trẻ	58	22					
Tỷ lệ hoàn thành Chương trình:		40	%	98,7						
Trong số trẻ hoàn thành CT GDMN (MG5-	Trẻ em gái	41	Trẻ	9016				-	-	
	Trẻ dân tộc	42	Trẻ	3839	-	-	-	-	-	
	Trẻ khuyết tật học hòa nhập	43	Trẻ	58	-	-	-	-	-	
	Trẻ từ nơi khác đến học (trái tuyến)	44	Trẻ	673	-	-	-	-	-	

- Tỷ lệ huy động trẻ 5T đến trường	%	99,5
- Tỷ lệ học 2 buổi ngày	%	93,6
- Tỷ lệ trẻ 5T hoàn thành CT GDMN mới	%	98,7
- Tỷ lệ chuyên cần trẻ đến trường	%	97,3
- Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân	%	7,41
- Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi	%	7,75

Biểu số 2

PHỤ LỤC

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN *(Đến cuối năm học 2012 - 2013)*

(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-BCĐ ngày 06/9/2013 của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	CBQL, Giáo viên, nhân viên chung							Riêng giáo viên dạy Mẫu giáo 5 tuổi													
		Tổng số	Trong đó CBQL				Giáo viên	Nhân viên	Tổng số	Chính sách, định mức					Trình độ đào tạo				Xếp loại về chuẩn NN			
			Biên chế	Ngoài Biên chế	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng				Biên chế	Ngoài Biên chế	Được hưởng chính sách	Dân tộc	Tỉ lệ giáo viên/lớp	CĐ trở lên	THSP 12+2	Sơ cấp	Không đào tạo	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
1	TP. Quảng Ngãi	527	230	297	17	21	352	137	96	63	33	63	0	1,5	58	38	0	0	69	27	0	0
2	Huyện Tư nghĩa	415	301	114	20	25	263	107	115	105	10	105	0	1,3	53	62	0	0	93	22	0	0
3	Huyện Mộ Đức	337	215	122	13	25	199	100	102	93	9	93	0	1,29	42	60	0	0	97	5	0	0
4	Huyện Đức Phổ	332	224	108	15	14	209	94	121	116	5	116	0	1,2	45	76	0	0	50	71	0	0
5	uyện Nghĩa Hành	213	172	41	11	11	147	44	67	66	1	66	0	1,17	46	21	0	0	47	19	0	0
6	Huyện Sơn Tịnh	320	268	52	24	26	221	49	134	134	0	134	0	1,1	61	73	0	0	98	36	0	0
7	Huyện Bình Sơn	463	279	184	29	20	288	126	157	133	24	133	0	1,1	60	97	0	0	130	25	2	0
8	Huyện Minh Long	69	56	13	5	0	53	11	36	31	5	31	8	1,06	6	30	0	0	14	18	4	0
9	Huyện Sơn Hà	239	192	47	16	18	172	33	124	120	4	104	29	1,03	65	59	0	0	83	33	8	0
10	Huyện Sơn Tây	141	89	52	3	8	99	31	61	49	12	49	12	1,05	6	55	0	0	13	27	21	0
11	Huyện Tây Trà	118	100	18	8	12	83	15	55	52	3	52	10	1,06	9	46	0	0	22	33	0	0
12	Huyện Trà Bồng	172	132	40	8	8	124	32	63	58	5	63	19	1,3	20	43	0	0	39	20	4	0
13	Huyện Ba Tơ	247	146	101	5	27	157	58	111	77	34	77	41	1,05	30	81	0	0	77	32	2	0
14	Huyện Lý Sơn	63	53	10	3	3	43	14	15	15	0	15	0	1,07	3	12	0	0	7	8	0	0
	Cộng	**3656**	**2457**	**1199**	**177**	**218**	**2410**	**851**	**1257**	**1112**	**145**	**1101**	**119**	**1,16**	**504**	**753**	**0**	**0**	**839**	**376**	**41**	**0**

Biểu số 3

PHỤ LỤC

THỐNG KÊ TIÊU CHUẨN PHÒNG HỌC, CƠ SỞ VẬT CHẤT *(Số liệu đến tháng 6/2013)*

(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-BCĐ ngày 06/9/2013 của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	Đạt chuẩn		Số điểm trường	Số nhóm, lớp		Phòng học cho lớp 5 tuổi theo đúng quy định									Phòng chức năng và phòng khác của trường							Sân và đồ chơi			Bếp ăn	
		Mức 1	Mức 2		Tổng số	Trong đó, lớp ghép	Kiên cố		Bán kiên cố		Đạt yêu cầu		Đủ Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	Có máy vi tính cho trẻ chơi		Ban Giám hiệu	Văn phòng	HC-QT	GDN T&TC	Y tế	Nhà Vệ sinh	Khác	Sân chơi		Sân có đồ chơi	SL	DT
							Tổng số (TS)	Diện tích (DT)	TS	DT	TS	DT		SL	Phần mềm	SL	SL	SL	SL	SL	SL	SL	SL	DT	SL		
1	TP. Quảng Ngãi	4	0	49	63	33	24	1191	39	10123	0	0	63	18	18	11	14	4	6	5	68	109	42	20477	18	17	958
2	Huyện Tư Nghĩa	4	0	49	88	17	39	2207	30	1342	0	0	88	15	15	15	9	6	6	7	107	3	39	19000	15	15	593
3	Huyện Mộ Đức	2	0	63	79	48	17	1102	43	1349	0	0	79	17	17	7	8	2	2	1	53	8	44	13541	26	16	1015
4	Huyện Đức Phổ	5	0	82	101	51	29	1705	56	2766	0	0	101	19	19	7	9	1	7	5	70	3	78	15916	27	9	445
5	Huyện Nghĩa Hành	5	0	47	57	37	28	1502	27	1295	0	0	53	14	14	7	8	3	5	4	59	1	47	11360	12	13	549
6	Huyện Sơn Tịnh	2	0	97	123	95	37	2341	63	4853	0	0	123	16	16	4	8	2	3	5	64	4	80	16623	15	11	449
7	Huyện Bình Sơn	2	0	114	141	85	57	4500	46	4600	0	0	141	17	17	8	16	5	4	5	75	2	95	10600	37	15	1000
8	Huyện Minh Long	0	0	34	34	31	9	525	8	489,5	0	0	34	5	5	0	0	0	0	1	10	1	12	3060	3	2	69
9	Huyện Sơn Hà	1	0	103	120	110	13	1224	96	6680	0	0	120	11	11	16	12	2	1	1	50	15	87	12736	9	5	421
10	Huyện Sơn Tây	1	0	58	58	53	7	294	20	760	0	0	58	5	5	6	1	0	1	1	1	2	10	959	3	6	224
11	Huyện Tây Trà	0	0	56	52	38	22	1371	19	1177	0	0	52	4	4	0	2	0	0	0	21	2	17	1268	3	1	70
12	Huyện Trà Bồng	1	0	54	49	41	9	2302	20	4999	9	568	49	7	7	2	1	1	1	1	41	1	24	8706	6	10	244
13	Huyện Ba Tơ	1	0	85	106	92	10	726	40	1694	0	0	106	9	9	2	9	1	1	1	17	3	47	13818	8	4	460
14	Huyện Lý Sơn	0	0	7	14	0	10	650	4	240	0	0	14	5	5	4	0	0	0	1	23	0	7	6204	3	3	108
	Cộng	**28**	**0**	**898**	**1085**	**731**	**311**	**21640**	**511**	**42368**	**9**	**568**	**1081**	**162**	**162**	**89**	**97**	**27**	**37**	**38**	**659**	**154**	**629**	**2E+05**	**185**	**127**	**6605**

Biểu số 3

PHỤ LỤC

THỐNG KÊ TIÊU CHUẨN PHÒNG HỌC, CƠ SỞ VẬT CHẤT *(Số liệu đến tháng 6/2013)*

(Kèm theo Báo cáo số [illegible]/BC-BCĐ ngày 06/9/2013 của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị	Phòng học cho lớp 5 tuổi theo đúng quy định										Phòng chức năng và phòng khác của trường							Sân và đồ chơi			Bếp ăn		Phòng thiếu, chưa đạt yêu cầu	UBND huyện, thành phố đang xây dựng	Nhu cầu xây dựng
		Kiên cố		Bán kiên cố		Đạt yêu cầu		Tổng số phòng học	Đủ Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	Có máy vi tính cho trẻ chơi		Ban Giám hiệu	VP	HC-QT	GD NT & TC	Y tế	Nhà vệ sinh	Khác	Sân chơi		Sân có đồ chơi	SL	DT			
		Tổng số (TS)	Diện tích (DT)	TS	DT	TS	DT			SL	Phần mềm	SL	SL	SL	SL	SL	SL	SL	SL	DT	SL					
1	TP. Quảng Ngãi	24	1191	39	10123	0	0	63	63	18	18	11	14	4	6	5	68	109	42	20477	18	17	958	39	2	37
2	Huyện Tư Nghĩa	39	2207	30	1342	0	0	69	88	15	15	15	9	6	6	7	107	3	39	19000	15	15	593	19		19
3	Huyện Mộ Đức	17	1102	43	1349	0	0	60	79	17	17	7	8	2	2	1	53	8	44	13541	26	16	1015	19	2	17
4	Huyện Đức Phổ	29	1705	56	2766	0	0	85	101	19	19	7	9	1	7	5	70	3	78	15916	27	9	445	16		16
5	Huyện Nghĩa Hành	28	1502	27	1295	0	0	55	53	14	14	7	8	3	5	4	59	1	47	11360	12	13	549	2		2
6	Huyện Sơn Tịnh	37	2341	63	4853	0	0	100	123	16	16	4	8	2	3	5	64	4	80	16623	15	11	449	23	9	14
7	Huyện Bình Sơn	57	4500	46	4600	0	0	103	141	17	17	8	16	5	4	5	75	2	95	10600	37	15	1000	38	4	34
8	Huyện Minh Long	9	525	8	489,5	0	0	17	34	5	5	0	0	0	0	1	10	1	12	3060	3	2	69	17		17
9	Huyện Sơn Hà	13	1224	96	6680	0	0	109	120	11	11	16	12	2	1	1	50	15	87	12736	9	5	421	11		11
10	Huyện Sơn Tây	7	294	20	760	0	0	27	58	5	5	6	1	0	1	1	1	2	10	959	3	6	224	31		31
11	Huyện Tây Trà	22	1371	19	1177	0	0	41	52	4	4	0	2	0	0	0	21	2	17	1268	3	1	70	11		11
12	Huyện Trà Bồng	9	2302	20	4999	9	568	38	49	7	7	2	1	1	1	1	41	1	24	8706	6	10	244	11		11
13	Huyện Ba Tơ	10	726	40	1694	0	0	50	106	9	9	2	9	1	1	1	17	3	47	13818	8	4	460	56		56
14	Huyện Lý Sơn	10	650	4	240	0	0	14	14	5	5	4	0	0	0	1	23	0	7	6204	3	3	108	0		0
	Cộng	311	21640	511	42368	9	568	831	1081	162	162	89	97	27	37	38	659	154	629	154268	185	127	6605	293	17	276

Biểu số 4

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-BCĐ ngày 06 /9/2013 của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục và chống mù chữ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng số	Chia ra theo các năm					Ghi chú
				2.011	2.012	2.013	2.014	2.015	
(a)	(b)	©	(d)	(đ)	(e)	(g)	(h)	(i)	(k)
1	Tổng chi cho Giáo dục mầm non	Triệu đồng	723.691,334	176.357,871	269.960,183	277.373,280	-	-	
	Trong đó: - Ngân sách thường xuyên	Triệu đồng	511.502,632	126.995,871	211.891,841	172.614,920	-	-	
	- Ngân sách đầu tư	Triệu đồng	137.457,530	15.786,030	42.570,500	79.101,000	-	-	
	- Ngân sách từ nguồn Chương trình mục tiêu, dự án	Triệu đồng	31.092,572	8.131,870	6.887,842	16.072,860	-	-	
	- Từ nguồn xã hội hóa	Triệu đồng	43.638,600	25.444,100	8.610,000	9.584,500	-	-	
2	Tỷ lệ chi hoạt động chuyên môn GDMN trong NSTX	(%)		0,167	0,147	0,217	-	-	
3	Định mức chi thường xuyên cho trẻ 5 tuổi theo 239	Triệu đồng					-	-	
4	Chi đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng	Triệu đồng	82.516,963	34.174,773	32.568,190	15.774,000	-	-	
5	Mua thiết bị tối thiểu và thiết bị nội thất dùng chung	Triệu đồng	23.786,955	2.564,588	12.295,930	8.926,437	-	-	
6	Chi thực hiện chính sách cho trẻ em	Triệu đồng	24.396,604	7.258,045	11.184,174	5.954,385	-	-	
	Trong đó: - Hỗ trợ chi phí học tập	Triệu đồng	7.267,705	2.885,385	3.578,135	804,185	-	-	
	- Hỗ trợ ăn trưa	Triệu đồng	16.921,699	4.322,660	7.534,039	5.065,000	-	-	
	- Hỗ trợ theo chính sách khác của TƯ, địa phương	Triệu đồng	207,200	50,000	72,000	85,200	-	-	
7	Chi thực hiện chính sách cho giáo viên mầm non	Triệu đồng	11.905,940	3.806,050	4.618,720	3.481,170	-	-	
	Trong đó: - Hỗ trợ giáo viên hợp đồng lao động công lập	Triệu đồng	11.905,940	3.806,050	4.618,720	3.481,170	-	-	
	- Hỗ trợ giáo viên dân lập	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
	- Hỗ trợ giáo viên tư thục	Triệu đồng	-	-	-	-	-	-	